

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 72/TPHN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**
Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: +84 24 3864 2579
E-mail: cskh@huunghi.com.vn
Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/7.23.CIV. Chứng nhận lần đầu: 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận: 16/03/2023 ÷ 15/03/2026. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MOMIJI BÀNH NƯỚNG TRỪNG MÙI HOA ĐẬU BIẾC

2. Thành phần: Đường, Bột mì, Đậu xanh, Đường trehalose, Dầu thực vật (dầu cò, dầu đậu phộng, dầu hướng dương, dầu đậu nành), Nước, Đường mantozơ, Trứng vịt muối (2,9%), Hạt sen, Chất làm ẩm (420(ii)), Bơ, Chất ổn định (1442, 461, 460(i), 501(i), 415, 516), Bột hoa đậu biếc (0,59%), Chất nhũ hóa (471, 322(i), 481(i), 477, 475, 492), Sữa bột, Nước cốt dừa, Chất bảo quản (281, 202), Muối, Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, trảng muối), Chất tạo xốp (500(ii)), Chanh tươi, Chất điều chỉnh độ acid (500(i), 330), Chất tạo hương vị (lactisole), Chất chống oxy hoá (307b, 304), Chất tạo màu tổng hợp (160a(i)).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Dầu hướng dương, Dầu đậu phộng, Dầu đậu nành, Lecithin từ đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 75 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

Mỗi bánh được chứa trong khay nhựa PET và được đóng gói kín bằng bao bì có chất liệu PA/PE/PP chuyên dùng đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo yêu cầu của Bộ Y tế. Bánh có khối lượng tịnh: 80 g/chiếc, 100 g/chiếc, 120 g/chiếc, 130 g/chiếc, 150 g/chiếc, 180 g/chiếc, 210 g/chiếc.

+ Bánh được cho vào hộp giấy theo các quy cách quy định.

+ Lưu ý: Tên, mã sản phẩm, khối lượng tịnh: xem trên tem dính kèm sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 3664 9451

Fax: +84 24 3664 2426

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Website: www.huunghi.com.vn

➤ Sản xuất tại: Chi nhánh công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghi tại miền Bắc

- Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đặt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số, tiêu chuẩn quốc gia:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- TCVN 12940 – 2020 Tiêu chuẩn quốc gia đối với bánh nướng.

2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Nghị định 43/2017 ND-CP về thông tin ghi nhãn hàng hóa.
- Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Nghị định 111/2021 ND-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017 ND-CP.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2025

BÀI DIỄN CÔNG TY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hà Nguyễn Hải





TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1ml sản phẩm)	
			Giới hạn dưới	Giới hạn trên
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5	5×10^6
2	E. Coli	CFU/g	20	10^2
3	Staphylococci	CFU/g	20	10^2
4	Salmonella	/25g	Không phát hiện	
5	Tổng số BTNM-M	CFU/g	150	

2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- 2.1. Hướng dẫn sử dụng:
- Dùng ăn trực tiếp.
 - Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
 - Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng, bên trong gói bánh có gói hút oxy, không được ăn.
 - Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.
 - 2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:
 - Bảo quản:
 - Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ 10 – 15cm, cách tường ít nhất 30 cm.
 - Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
 - Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Đình Công, phường Đình Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

- Trụ sở và Nhà máy Đình Công: Số 122 Đình Công, phường Đình Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

Số: *SA*...../SY-TPHN
ngày *1* tháng *1* năm *2018*

- Phạm vi được chứng nhận:
- Sản xuất bánh cracker, lương khô (bánh dinh dưỡng), bánh tươi (bánh gato), bánh mì (bánh mì, Sandwich), đồ uống không cồn, mứt, bánh quy, sữa chua, thạch, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta); Đóng gói kéo tại Nhà máy Đình Công.
 - Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mì (bánh mì Sandwich), ruốc, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, mứt; Đóng gói kéo tại Nhà máy Yên Phong.
 - Sản xuất bánh mì (bánh mì, Sandwich), bánh gato, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta) tại Nhà máy Bình Dương.

Mã ngành: CIV HA 460/7.23.CIV

Từ ngày 16/03/2023 đến ngày 15/03/2026

17/10/2018

Số Giấy chứng nhận:

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Ngày chứng nhận lần đầu:



CHỖ VẤN PHÒNG

Viết chữ ở đây



Trần Quốc Dũng



TH6

MOMIJI BÁNH NƯỚNG

TRÚNG MUỐI HOA ĐẬU BIẾC

Khối lượng tịnh: 120 g

Lượng dinh dưỡng được tính 100 g:
Năng lượng: 374 Kcal, Chất đạm: 4,9 g,
Carbohydrate: 60,5 g, Đường tổng số: 21,1 g,
Tổng chất béo: 12,5 g, Natri: 44 mg.

8 934760 301430

Số công bố:

71/TPHN/2025

TH6

MOMIJI BÁNH NƯỚNG

TRÚNG MUỐI HOA ĐẬU BIẾC

Khối lượng tịnh: 120 g

Lượng dinh dưỡng được tính 100 g:
Năng lượng: 374 Kcal, Chất đạm: 4,9 g,
Carbohydrate: 60,5 g, Đường tổng số: 21,1 g,
Tổng chất béo: 12,5 g, Natri: 44 mg.

8 934760 301430

Số công bố:

71/TPHN/2025



Nhân dịp Tết Trung thu 2025, Momiji xin gửi đến bạn món quà đêm trăng với những vị bánh thơm ngon, thay cho lời mến chúc một mùa đoàn viên hạnh phúc, bình an và hừng khởi ngập tràn.

Thành phần mã bánh TH6, TT6, SC6, PS6, KH6, KL6

Thành phần mả bánh DC6, DM6
 Thành phần chung: Đường, Bột mì, Dầu thực vật (dầu cọ, dầu đậu phộng, dầu mè), Hạt sen, Bột nhân su kem, Nước, Hạnh nhân, Hạt bí, Hạt hướng dương, Hạt macca, Hạt óc chó, Chất làm ẩm (420(ii), 422), Đường mantoza, Trứng gà, Chất bảo quản (281, 282), Bột nở, Chất ổn định (501(i)), Chất tạo xốp (500(ii)), Hương liệu tổng hợp (hop), Chanh tươi, Chất định chỉnh độ acid (500(i), 330), Chất tạo hương vị (lactisole), Muối.

Thành phần riêng: Mã DC6: Cremfil Classic Salted Caramel (13,3%), Hương liệu tổng hợp (caramel). **Mã DM6:** Cremfil Classic Mayo (10,1%), Jambon (Thịt nạc lợn), Quế, Đường, Nước mắm, Muối, Dầu thực vật (dầu cọ), Chất điều vị (621), Chất bảo quản (200), Chất tạo xốp (500(iii)).

Thành phần chung: Mochi (34,6%) (Đường mantoza, Bột nếp, Nước, Đường trehalose, Chất ổn định (1440, 461), Chất bảo quản (281), Chất tạo màu tổng hợp (171), Chất nhũ hóa (471)), Bột mì, Đường, Trứng gà, Bột nếp, Dầu bơ thực vật, Dầu thực vật (dầu cải, dầu hạt cải, dầu hướng dương), Đường mantoza, Sữa bột, Chất nhũ hóa (477, 471, 322(i)), Chất ổn định (1442, 440, 415), Nước, Chất tạo xốp (500(ii), 450(i), 341(i)), Tinh bột sắn, Chất bảo quản (202, 281), Muối, Hương liệu tổng hợp (sữa, vani), Chất điều chỉnh độ acid (330), Chất tạo màu tổng hợp (160ai), Chất chống oxy hóa (304).

Thành phần riêng: Mã MD4: Dứa tươi (2,2%), Hương liệu tổng hợp (dứa). Mã MM4: Xoài sấy dẻo (2,5%), Hương liệu tổng hợp (xoài). Mã MV4: Quả nam việt quất sấy khô (2,5%), Hương liệu tổng hợp (việt quất). Mã MM4: Mơ khô không hạt (2,6%), Hương liệu tổng hợp (mơ).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Hạnh nhân, Hạt bí, Hạt hướng dương, Hạt macca, Hạt óc chó, Dừa, Dầu đậu phộng, Dầu mè, Dầu hướng dương, Dầu đậu nành, Lecithin từ đậu nành, Nguyên liệu có nguồn gốc từ cá tuyết.

Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghi

DT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426

E-mail: cskh@huanhinh.com.vn - Website: www.huanhinh.com.vn

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc

Địa chỉ: Lô CN 15-2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.

Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng, bên trong gói bánh có gói hút oxy, không được ăn.

Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.

Lưu ý: Tên, mã sản phẩm, khối lượng tịnh (KLT): xem trên tem dính kèm sản phẩm.

Report N°: 0000947635

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: May 30, 2025
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 30/05/2025
JOB NO.: 2505A-0749
Đơn hàng: 2505A-0749

CLIENT'S NAME : HUU NGHI FOOD JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : 122 DINH CONG ST., DINH CONG WARD, HOANG MAI DIST., HA NOI CITY, VIETNAM
Địa chỉ

122 DINH CONG, PHƯỜNG DINH CONG, QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

: Client
Được lấy/ gửi bởi

Client's reference : MOMIJI BÀNH NƯỚNG TRƯNG MUỘI HOA ĐÀU BIẾC
Chú thích của khách hàng

Sampling date

: 01/05/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

: Food (approx. gr. wt. 0.5kg) in 04 full labeled plastic containers
Thực phẩm (khoảng 0.5kg bao gồm 04 vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

Mô tả mẫu

Sample ID : 2505A-0749.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received

: May 07, 2025
07/05/2025

Ngày nhận mẫu

Testing period

: May 07, 2025 - May 15, 2025
07/05/2025 - 15/05/2025

Thời gian thử nghiệm

Test(s) requested
Yêu cầu thử nghiệm

: As applicant's requirement
Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

: Please refer to the next page(s)
Vui lòng tham khảo trang sau

Kết quả kiểm nghiệm

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Trà Nóc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of clients' instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte	Method	Result	LOD	LOQ	Unit	Remark
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism)	ISO 4833-1:2013/ Amd	1.5x10 ²	-	10	cfu/g	
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	1:2022					
2. Coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)	ISO 6888-1:2021/ Amd	<10	-	10	cfu/g	
Staphylococci dương tính với coagulase (Staphylococcus aureus và những loài khác)	1:2023					
3. E. coli	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
E. coli						
4. Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
Enterobacteriaceae						
5. Listeria monocytogenes	ISO 11290-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
Listeria monocytogenes						
6. Salmonella spp.	ISO 6579-1:2017/ Amd	Not Detected	0.9	-	cfu/25g	
Salmonella spp.	1:2020	Không phát hiện				
7. Total Yeast and Mold	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	
Tổng nấm men và nấm mốc						
8. Crude protein	ISO 1871:2009	6.27	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
Bột ẩm	TCVN 4069:2009	20.56	0.1	0.35	g/100g	
9. Moisture (105°C)						
10. Total ash	AOAC 900.02	0.78	0.03	0.1	g/100g	
Tro tổng						
11. Total carbohydrate	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)(*)	60.34	-	-	g/100g	
Carbohydrat tổng						
12. Carbohydrate (not including dietary fiber)	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)(*)	57.75	-	-	g/100g	
Carbohydrat (không bao gồm xơ)						
13. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF)	AOAC 991.43	2.59	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)						
14. Total sugars (as sucrose)	LFOD-TST-SOP-8126	23.13	0.15	0.5	g/100g	
Dường tổng (quy về sucroza)	(Luff-Schoorl method)(*)					

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of clients' instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn
LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024



Analyte	Method	Result	LOD	LOQ	Unit	Remark
Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	Chú thích
15. HCl-insoluble ash	TCVN 4071:2009	Not Detected	0.03	0.1	g/100g	
Hàm lượng tro không tan trong HCl		Không phát hiện				
16. Acid value (on fat basis)	GB 5009.229-2016	1.22	0.01	0.03	mgKOH/g	
Chỉ số axit (trên nền béo)						
17. Peroxide value (on fat basis)	GB 5009.227-2016	Not Detected	0.15	0.5	meq/kg	
Chỉ số peroxit (trên nền béo)		Không phát hiện				
18. Water activity	AOAC 2021.04 (Tunable Diode Laser sensor)(*)	0.8086	-	-	-	Tested at 25°C
19. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides)	LFO-D-TST-SOP-8444 (GC-FID)	12.0463	0.0001	0.0003	g/100g	
Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)						
20. Saturated fatty acids (SFA)	LFO-D-TST-SOP-8444 (GC-FID)	5.1523	0.0001	0.0003	g/100g	
Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)						
21. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-))	LFO-D-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.1113	0.0001	0.0003	g/100g	
Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))						
22. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2)	LFO-D-TST-SOP-8456	Not Detected	-(a)	-(a)	µg/kg	
Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)		Không phát hiện				
23. Aflatoxin B1	LFO-D-TST-SOP-8456	Not Detected	0.3	1	µg/kg	
Aflatoxin B1		Không phát hiện				
24. Aflatoxin B2	LFO-D-TST-SOP-8456	Not Detected	0.3	1	µg/kg	
Aflatoxin B2		Không phát hiện				
25. Aflatoxin G1	LFO-D-TST-SOP-8456	Not Detected	0.3	1	µg/kg	
Aflatoxin G1		Không phát hiện				
26. Aflatoxin G2	LFO-D-TST-SOP-8456	Not Detected	0.3	1	µg/kg	
Aflatoxin G2		Không phát hiện				
27. Deoxynivalenol	LFO-D-TST-SOP-8456	Not Detected	3	10	µg/kg	
Deoxynivalenol		Không phát hiện				

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn
LFO-D-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of clients' instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.

Analyte	Method	Result	LOD	LOQ	Unit	Remark
Chì tiêu phân tích	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	Chú thích
28. Ochratoxin A	LFD-TST-SOP-8456	Not Detected	0.3	1	µg/kg	
29. Zearelenone	LFD-TST-SOP-8456	Not Detected	1	3	µg/kg	
30. Sodium (Na)	AOAC 2011.14	79	0.5	1	mg/100g	
31. Arsenic (As)	AOAC 2013.06	Not Detected	0.005	0.01	mg/kg	
32. Cadmium (Cd)	AOAC 2013.06	Not Detected	0.005	0.01	mg/kg	
33. Lead (Pb)	AOAC 2013.06	<0.01	0.005	0.01	mg/kg	
34. Mercury (Hg)	AOAC 2013.06	Not Detected	0.005	0.01	µg/g	
Thủy ngân		Không phát hiện				

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BOA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
- Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BOA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoài từ những phương pháp/chì tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
- Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), từ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AAC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
- Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AAC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
- Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
- (F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phần tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phần tử lượng thấp (LMW SDF).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analyses, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analyses, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analyses. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
- LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analyses, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or



ISO/IEC 17025:2017
VLA 1.0977
VLA 237

Report N°: 0000947635

Page N° 5/5

< 1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, < 1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as < 1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích như năng lượng, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ năng lượng của các chất phân tích phát hiện khi kết quả thấp nhất không phát hiện được <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ thị với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu về sinh công nghiệp yêu cầu bảo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu về sinh công nghiệp yêu cầu bảo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/hiệu tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phân ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

-(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
-(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất nặng là tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU ĐÃ NHẬN TẠI PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ MẪU ĐƯỢC LƯU TỬ TRONG VÒNG 15 NGÀY NẾU KHÔNG CÓ THÔNG BÁO ĐẶC BIỆT KHÁC
*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xứ



Lâm Văn Xứ
Giám Đốc Ngân Sách Khỏe Và Dinh Dưỡng



Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh Z, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 Z, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn
LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/vn/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of clients' instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.